

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-PT

Ngày 31-3 -2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Thẩm phán

1. Ông Lâm Anh Luyện

2. Bà Vương Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xử án hình sự, trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai Vụ án hình sự thụ lý số 05/2023/TLPT-HS, ngày 22 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXPT-HS ngày 08 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ C, (tên gọi khác: Không); sinh ngày 08/4/1980, tại thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Vũ Thị B, sinh năm 1947; Chồng: Nông Thanh S, sinh năm 1972 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo là Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ trường Tiểu học và THCS, thuộc Đảng bộ xã T, huyện X, tỉnh Hà Giang. Bị cáo bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định đình chỉ số 27-QĐ/UBKTHU ngày 13/6/2022 và Quyết định số 33-QĐ/UBKTHU ngày 09/9/2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện uỷ X, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/6/2022 đến ngày 31/8/2022, được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp bảo lãnh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị C: Ông Phạm Xuân N, sinh năm 1956 và ông Lê Văn T, sinh năm 1977 - Luật sư thuộc Công ty Luật hợp danh Đông Nam Á; địa chỉ: 76 C, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội; bị cáo có đơn và tại phiên tòa đề nghị không yêu cầu Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ngô Thị H (tên gọi khác: Ngô Thị Q), sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Lương Thị Ngọc A, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

3. Phạm Thị C1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Lê Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

3. Trần Thị H2, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

4. Nguyễn Thị D, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 15, phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

5. Nguyễn Thị H3, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; có đơn xét xử vắng mặt.

6. Phạm Thị T1, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; có đơn xét xử vắng mặt.

7. Hoàng Ngọc H4, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; có đơn xét xử vắng mặt.

8. Vũ Văn T2, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang; có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 02/9/2021 đến ngày 27/01/2022, bị cáo Nguyễn Thị C sinh ngày 08/4/1980, tại thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang đã cho Ngô Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang vay và trả nợ cho nhau nhiều lần, số tiền nợ gốc lên đến 3.472.000.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng) với mức lãi suất 2.800 đồng/01triệu/01ngày và 3.000 đồng/01triệu/01ngày, tương đương với mức lãi suất 102,2%/năm và 109,5%/năm, cao gấp 5,1 lần đến 5,5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

1. Các khoản cho vay với mức lãi suất 3.000 đồng/01triệu/01ngày:

Ngày 02/9/2021, C cho H vay 1.250.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 02/9/2021 đến ngày 15/09/2021 là 52.500.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 42.910.959 đồng.

Ngày 15/9/2021, H trả cho C 250.000.000 đồng vào gốc. Tiền lãi từ ngày 16/9/2021 đến ngày 20/09/2021 là 15.000.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 12.260.274 đồng.

Ngày 21/9/2021, H trả cho C 200.000.000 đồng vào gốc; đến buổi chiều ngày 21/9/2021, C cho H vay tiếp **500.000.000 đồng**, tổng số là 1.300.000.000 đồng; tiền lãi từ ngày 21/9/2021 đến ngày 05/10/2021 là 58.500.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 47.815.069 đồng.

Ngày 05/10/2021, H trả cho C 190.000.000 đồng vào gốc, còn lại là 1.110.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 05/10/2021 đến ngày 06/10/2021 là 3.330.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 2.721.781 đồng.

Ngày 07/10/2021, C cho H vay 380.000.000 đồng, tổng tiền gốc là 1.490.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 07/10/2021 đến ngày 08/10/2021 là 8.940.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 7.306.124 đồng.

Ngày 08/10/2021, H trả cho C 300.000.000 đồng vào gốc, tiền gốc còn lại là 1.190.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 09/10/2021 đến ngày 12/10/2021 là 14.280.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 11.671.781 đồng.

Ngày 12/10/2021, H trả cho C 200.000.000 đồng vào gốc, còn lại là 990.000.000 đồng.

Ngày 13/10/2021, H vay thêm 600.000.000 đồng vào gốc, tổng số tiền gốc là 1.590.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 13/10/2021 đến ngày 15/10/2021 là 14.310.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 11.696.302 đồng.

Ngày 15/10/2021, H trả cho C 310.000.000 đồng, tiền gốc còn lại là 1.280.000.000đ. Tiền lãi từ ngày 16/10/2021 đến ngày 20/10/2021 là 19.200.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 15.693.151 đồng

Ngày 21/10/2021, H vay thêm 600.000.000 đồng, số tiền gốc là 1.880.000.000 đồng. Tiền lãi ngày 21/10/2021 là 5.640.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 4.609.864 đồng.

Ngày 22/10/2021, H trả C 300.000.000 đồng, tiền gốc là 1.580.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 22/10/2021 đến ngày 25/10/2021 là 18.960.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 15.496.987 đồng.

Ngày 26/10/2021, H vay thêm 500.000.000 đồng, tiền gốc là 2.080.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 26/10/2021 đến ngày 28/10/2021 là 18.720.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 15.300.822 đồng.

2. Các khoản cho vay với mức lãi suất 2.800 đồng/01triệu/01ngày:

Ngày 29/10/2021, số nợ gốc Ngô Thị H vay Nguyễn Thị C là 2.080.000.000đồng, tiền lãi từ ngày 29/10/2021 đến ngày 02/11/2021 là 29.120.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 23.421.370 đồng.

Ngày 02/11/2021, H trả 100.000.000 đồng vào gốc cho C, tiền gốc còn lại là 1.980.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 03/11/2021 đến ngày 04/11/2021 là 11.088.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 8.918.137 đồng.

Ngày 04/11/2021, H trả 145.000.000 đồng vào gốc cho C, tiền gốc còn lại là 1.835.000.000 đồng.

Ngày 05/11/2021, C cho H vay thêm 869.000.000 đồng, tiền gốc là 2.704.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 05/11/2021 đến ngày 09/11/2021 là 37.856.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 30.447.781 đồng.

Ngày 10/11/2021, H trả cho C tiền lãi từ ngày 10/11/2021 đến ngày 16/11/2021 là 52.998.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 42.626.494 đồng.

Ngày 16/11/2021, H trả 200.000.000 đồng vào gốc cho C, tiền gốc còn lại là 2.504.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 17/11/2021 đến ngày 22/11/2021 là 42.067.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 33.834.672 đồng.

Ngày 23/11/2021, C cho H vay thêm 669.000.000 đồng, tổng tiền gốc là 3.173.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 23/11/2021 đến ngày 24/11/2021 là 17.768.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 14.290.740 đồng.

Ngày 24/11/2021, H trả 269.000.000 đồng vào gốc cho C, đồng thời C cho H vay số tiền 200.000.000 đồng; tổng số tiền gốc là 3.104.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 25/11/2021 đến ngày 26/11/2021 là 17.382.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 13.980.357 đồng.

Ngày 26/11/2021, H trả 400.000.000 đồng vào gốc cho C, tiền gốc còn lại là 2.704.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 27/11/2021 đến ngày 29/11/2021 là 22.713.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 18.268.069 đồng.

Ngày 29/11/2021, H trả 200.000.000 đồng vào gốc cho C, đến ngày 30/11/2021 vay thêm 168.000.000 đồng, tổng tiền gốc là 2.672.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 30/11/2021 đến ngày 03/12/2021 là 29.926.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 24.069.562 đồng.

Ngày 02/12/2021, C cho H vay thêm 760.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 02/12/2021 đến ngày 03/12/2021 của số tiền 760.000.000 đồng là 4.257.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 3.424.124 đồng. Ngày 03/12/2021, H trả cho C 400.000.000 đồng tiền gốc; tiền gốc còn lại là 3.032.000.000 đồng.

Ngày 04/12/2021, H trả tiền lãi từ ngày 04/12/2021 đến ngày 06/12/2021 là 25.468.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 20.483.981 đồng.

Ngày 07/12/2021, C cho H vay thêm 250.000.000 đồng, tiền gốc là 3.282.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 07/12/2021 đến ngày 08/12/2021 là 18.379.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 14.782.288 đồng.

Ngày 09/12/2021, C cho H vay thêm 190.000.000 đồng, tiền gốc là 3.472.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 09/12/2021 đến ngày 10/12/2021 là 19.443.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 15.638.069 đồng.

Ngày 10/12/2021, H trả 550.000.000 đồng tiền gốc cho C, tiền gốc còn lại là 2.922.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 11/12/2021 đến ngày 10/01/2022 là 261.811.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 210.575.932 đồng.

Ngày 11/01/2022, H trả 400.000.000 đồng tiền gốc cho C, tiền gốc còn lại là 2.522.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 12/01/2022 đến ngày 14/01/2022 là 21.184.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 17.038.247 đồng.

Ngày 14/01/2022, H trả 63.000.000 đồng vào gốc cho C, tiền gốc là 2.459.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 15/01/2022 đến ngày 24/01/2022 là 68.852.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 55.378.028 đồng.

Ngày 24/01/2022, H trả 37.000.000 đồng vào gốc cho C, tiền gốc còn lại là 2.422.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 25/01/2022 đến ngày 27/01/2022 là 20.344.000 đồng, vượt mức lãi suất cao nhất là 16.362.631 đồng.

Ngày 27/01/2022, H trả cho C 600.000.000 đồng, còn lại tiền gốc là 1.822.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 11/12/2021 đến ngày 27/01/2022 là 372.000.000 đồng, do H không trả được tiền lãi cho C nên số tiền này hai bên thống nhất được cộng vào tiền gốc thành 2.194.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bị cáo Nguyễn Thị C đã thu của Ngô Thị H từ ngày 02/9/2021 đến ngày 27/01/2022 là **930.036.000 đồng**, trong đó: Tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 179.010.811 đồng; bị cáo Nguyễn Thị C thu lợi bất chính số tiền là 751.025.189 đồng.

Nguồn gốc tiền bị cáo C cho chị H vay được xác định là do bị cáo C vay của chị Lương Thị Ngọc A, sinh năm 1981, trú tại: Tổ 2, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang và đã trả lãi nhiều lần với mức lãi suất từ 1.500 đồng/1triệu/1ngày đến 2.000 đồng/1triệu/1ngày; vay của chị Phạm Thị C1, sinh năm 1981, trú tại: Tổ 4, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang và trả lãi nhiều lần với mức lãi suất từ 1.500 đồng/1triệu/1ngày đến 1.700 đồng/1triệu/1ngày.

Bản án số 01/HS-ST ngày 12/01/2023 của Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, Điều 290, Điều 292, Điều 298, Điều 299, Điều 326, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 6; Điều 21; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù, được khấu trừ số ngày tạm giam là 02 tháng 21 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 21 tháng 09 ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Nguyễn Thị C vào trại thụ hình.

3. Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị C **60.000.000 đồng** (Sáu mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Về các biện pháp tư pháp:

4.1. Truy thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo Nguyễn Thị C 1.278.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm bảy mươi tám triệu đồng), đây là khoản tiền bị cáo dùng để cho vay.

4.2. Truy thu sung quỹ nhà nước từ chị Ngô Thị H số tiền 2.194.000.000 đồng (Hai tỷ, một trăm chín mươi tư triệu đồng), đây là số tiền nợ gốc chị Ngô Thị H chưa trả cho bị cáo Nguyễn Thị C.

4.3. Truy thu sung quỹ nhà nước từ bị cáo Nguyễn Thị C 179.010.811 đồng, làm tròn thành 179.010.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu, không trăm mười nghìn đồng), là tiền lãi trong hạn theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4.4. Buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải trả lại số tiền thu lợi bất chính vượt mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự cho chị Ngô Thị H là 751.024.596 đồng, làm tròn thành 751.024.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi một triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

5. Về trách nhiệm dân sự:

5.1. Không chấp nhận yêu cầu của bị cáo Nguyễn Thị C yêu cầu chị Lương Thị Ngọc A và chị Phạm Thị C1 trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thị C có quyền khởi kiện yêu cầu chị Lương Thị Ngọc A và chị Phạm Thị C1 trả lại số tiền lãi vượt mức lãi suất cao nhất theo Điều 468 Bộ luật dân sự bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

5.2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Ngọc A yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị C trả lại số tiền gốc còn nợ là 1.080.000.000 đồng (Một tỷ, không trăm tám mươi triệu đồng). Chị Lương Thị Ngọc A có quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị C trả lại số tiền gốc còn nợ bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

5.3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị C1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị C trả lại số tiền gốc còn nợ là 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Chị Phạm Thị C1 có quyền khởi kiện yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị C trả lại số tiền gốc còn nợ bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu NOKIA, ốp mặt sau bằng nhựa màu đen, trắng, số imel 357168065986840 (điện thoại đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng đồng, nhãn hiệu IPHONE 6, imel 353321072085569 ốp mặt sau bằng nhựa nhiều màu.

8. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, điều kiện thi hành án.

Trong hạn luật định, bị cáo Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo không nhất với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/HS-ST ngày 12/01/2023 của Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang với lý do: Số tiền bị cáo cho chị H vay không phải cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mà bị cáo chỉ là người gọi tiền từ chị Lương Thị Ngọc A và chị Phạm Thị C1; được hưởng lãi suất chênh lệch từ 800 đồng đến 1.000 đồng/1 triệu/ngày do chị H là người đứng ra trả trực tiếp cho bị cáo, sau đó bị cáo mới trả lãi cho chị A và chị C; bị cáo không được hưởng toàn bộ số tiền lãi từ 2.800 đồng đến 3.000 đồng/1 triệu/ngày; nên số tiền thu lợi bất chính của bị cáo không phải là **751.024.596 đồng** như bản án sơ thẩm đã tuyên. Việc tịch thu số tiền gốc của chị H chưa trả cho bị cáo và số tiền gốc của bị cáo là không đúng. Bị cáo đề nghị huỷ án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Ngày 17/3/2023, bị cáo Nguyễn Thị C có đơn thay đổi nội dung kháng cáo, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có căn cứ; tuy nhiên, xét xử bị cáo mức hình phạt 24 tháng tù là quá cao, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo với lý do: Hiện nay, mẹ đẻ của bị cáo bị bệnh tật, già yếu, đau ốm nhiều, bị cáo là người trực tiếp chăm sóc; chồng của bị cáo công tác tại Trung tâm y tế huyện X bị phơi nhiễm HIV do thực hiện nghề nghiệp trong công tác, dẫn tới bản thân bị cáo cũng bị lây nhiễm HIV từ chồng; bị cáo còn bị U tuyến giáp, U nang tử cung và thường xuyên bị đau tức ngực, kèm khó thở là những bệnh hiểm nghèo và bệnh nền, hiện nay cần phải đi điều trị bệnh đến hết đời.

Tại phiên toà, bị cáo C giữ nguyên quan điểm thay đổi nội dung kháng cáo ngày 17/3/2023 đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo bổ sung thêm nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số tiền 550.000.000 đồng ngày 10/12/2021 và số tiền 400.000.000 đồng ngày 11/01/2022 chị H trả cho bị cáo; số tiền này là do chị H nhắn tin, điện thoại cho bị cáo nhờ gọi tiền hộ; toàn bộ số tiền gốc bị cáo cho chị H vay Toà án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu, tiền thu lợi bất chính buộc bị cáo phải trả cho chị H, vì số tiền gốc là do bị cáo đi gọi tiền của chị A, chị C1 để cho chị H vay chứ không phải là tiền của gia đình bị cáo; do đó không thể tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước được, tiền thu lợi bất chính, 1 phần bị cáo đã phải trả cho chị A, chị C1, bị cáo không được hưởng hết toàn bộ số tiền **751.024.596 đồng**, bị cáo không nhất trí trả cho chị H toàn bộ số tiền **751.024.596 đồng**. Bị cáo nhất trí với các kết luận giám định, biểu xác định mức

lãi suất cho vay và tính số tiền thu lợi bất chính của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Hà Giang.

Chị Ngô Thị H trình bày: Chị bán hàng tạp hoá tại nhà, khi gia đình cần tiền, chị có điện thoại cho bị cáo C hỏi vay tiền, bị cáo C có đến nhà đưa tiền cho chị vay, hoặc chuyển khoản cho chị vay; bị cáo C có thoả thuận với chị tiền lãi từ 2.800 đồng đến 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Còn việc bị cáo C vay tiền của ai hay là tiền của gia đình bị cáo C thì chị không biết; mỗi lần vay, chị trực tiếp trả toàn bộ tiền lãi, tiền gốc cho bị cáo C, có đôi lần bị cáo C cung cấp số tài khoản cho chị và bảo chị chuyển tiền gốc vào tài khoản mang tên chị A; còn chị A và chị C1 là ai và ở đâu chị không biết. Chị nhất trí giảm bớt số tiền bị cáo C thu lợi bất chính của chị có số lẻ theo bản án sơ thẩm là 51.024.000 đồng cho bị cáo C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên toà phát biểu: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo C đều thừa nhận gọi tiền từ chị A, chị C1, sau đó chị A, C1 đã chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo, bị cáo mới chuyển cho chị H vay với lãi suất từ 2.800 đồng đến 3.000 đồng/1 triệu/ngày; bị cáo đã nhận toàn bộ tiền lãi của chị H với tổng số tiền là **930.036.000 đồng**, trong đó tiền lãi theo quy định của Bộ luật Dân sự là **179.010.811 đồng**, lãi vượt quá gấp 5 lần theo quy định của Bộ luật Dân sự số tiền là **751.024.596 đồng**. Trong giai đoạn giải quyết phúc thẩm, bị cáo C cung cấp thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn Điều 201 Bộ luật Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo C, sửa Bản án sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang theo hướng: Chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn đối với bị cáo, ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị H cụ thể:

- Tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị H yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả lại cho chị H số tiền thu lợi bất chính là 700.000.000 đồng.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cần giữ nguyên.

Phản tranh luận: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với quan điểm, kết luận của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Tại phiên toà phúc thẩm, sau khi được chủ toạ phiên toà xét hỏi và giải thích pháp luật, bị cáo đã nhận thức rõ hành vi vi phạm pháp luật của mình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức

thấp nhất, để bị cáo có cơ hội tham gia công tác, điều trị bệnh và chăm sóc mẹ già; xem xét lại số tiền tịch thu sung ngân sách Nhà nước cho bị cáo, chị H, số tiền thu lợi bất chính bị cáo phải trả lại cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo, nội dung thay đổi kháng cáo của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị C làm trong hạn luật định là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt một số những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt những người làm chứng; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát xét thấy, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt họ, không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị C về xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, xét thấy:

[4] Về tội danh và định khung hình phạt: Căn cứ các tài liệu kết luận giám định, các biên bản xác minh, giao dịch chuyển tiền, các dữ liệu điện tử; lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H, chị A, chị C1; người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/9/2021 đến ngày 27/01/2022, bị cáo Nguyễn Thị C đã cho chị Ngô Thị H (tên gọi khác: Ngô Thị Q), sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang vay tiền và đã trả nợ cho nhau nhiều lần, tổng số tiền nợ gốc là **3.472.000.000 đồng** (*Ba tỷ, bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng*) với mức lãi suất 2.800 đồng/01triệu/01ngày và 3.000 đồng/01triệu/01ngày, tương đương với mức lãi suất 102,2%/năm đến 109,5%/năm; cao gấp 5,1 lần đến 5,5 lần mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; bị cáo Nguyễn Thị C đã thu lãi từ chị Ngô Thị H tổng số tiền là **930.036.000 đồng**, trong đó: Số tiền lãi được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự là **179.011.507 đồng**; số tiền bị cáo C thu lợi bất chính là **751.024.596 đồng**. Toàn bộ quá trình bị cáo C cho chị H vay tiền và nhận tiền lãi từ chị H bị cáo C đã ghi chép rõ và cụ thể từng ngày vào trong quyển sổ ô ly, bị cáo đã nộp cho Cơ quan điều tra. Nguồn gốc số tiền bị cáo C cho chị H vay, bị cáo đi vay của chị Lương Thị Ngọc A, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 2, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang với mức lãi suất từ 1.500 đồng/01triệu/01ngày đến 2.000 đồng/01triệu/01ngày; vay của chị Phạm Thị C1, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 4, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang với mức lãi suất từ 1.500 đồng/01triệu/01ngày đến 1.800 đồng/01triệu/01ngày. Bị cáo C là người trực tiếp chuyển tiền cho chị H vay và thu nhận tiền lãi từ chị H. Căn cứ Điều 463 Bộ luật

Dân sự, các lần bị cáo C cho chị H vay tiền và nhận tiền lãi từ chị H thì thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thị C và chị Ngô Thị H được xác định là hợp đồng vay tài sản; giữa bị cáo C với chị H có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều từ Điều 464 đến Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Bị cáo Nguyễn Thị C là giáo viên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hiểu biết về pháp luật, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật; song vì động cơ vụ lợi, nhằm thu lợi bất chính, bị cáo bất chấp pháp luật, lợi dụng chị H có nhu cầu vay tiền, bị cáo đã đi vay tiền của chị A, chị C1 với lãi suất thấp để cho chị Ngô Thị H vay nhiều lần, số tiền gốc vay là **3.472.000.000 đồng**, với mức lãi suất cao vượt quá 05 lần quy định của Bộ luật Dân sự từ 5,1 lần đến 5,5 lần và đã thu thu lợi bất chính tổng số tiền là **751.024.493 đồng**. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, tài chính ngân hàng, kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ, xâm phạm lợi ích của công dân; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bản án số 01/HS – ST ngày 12/01/2023 của Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt "*Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*", có khung hình phạt bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm là đúng người, đúng tội, không oan.

[6] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Toà án cấp sơ thẩm đã nhận định, trong các lần bị cáo Nguyễn Thị C cho chị H vay tiền và thu lãi từ chị Ngô Thị H vượt quá theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, có nhiều lần bị cáo C thu lợi bất chính số tiền trên 30.000.000 đồng; căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt; tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm bị cáo không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 24 tháng tù là phù hợp.

[7] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo C đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; bị cáo đã xuất trình thêm các chứng cứ tài liệu mới đó là: Bản thân bị cáo được UBND huyện X công nhận danh hiệu Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện bậc Tiểu học năm học 2014-2015 theo Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 10/11/2014, ông Nguyễn Hồng T là bố đẻ của bị cáo được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mẹ đẻ của bị cáo bà Vũ Thị B tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, chồng của bị cáo bị phơi nhiễm HIV trong khi thực hiện nhiệm vụ dẫn tới bị cáo cũng bị phơi nhiễm HIV, hiện nay bị cáo bị bệnh U tuyến giáp, U nang tử cung và luôn có biểu hiện đau tức ngực, kèm khó thở, phải điều trị bệnh lâu dài; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Xét thấy, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo C có thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới; các lần phạm tội của bị cáo đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo chỉ cho 01 người vay lãi nặng là chị H; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm; tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo xin hứa quyết tâm sửa chữa lỗi lầm của mình đã gây ra và cam kết đảm bảo các điều kiện thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền theo kết luận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ quy định tại Điều 3 về Nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự tại Nghị quyết số 01/2021/HĐTP-TATC ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn thi hành Điều 201 Bộ luật Hình sự; cần áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo, đảm bảo tính răn đe riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này tại địa phương.

[9] Về hình bổ sung: Bị cáo C bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo C theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[10] Tuy nhiên, bị cáo C bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự “Phạm tội hai lần trở lên”, Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự “Phạm tội lần đầu...” đối với bị cáo là không đúng quy định của pháp luật; do đó Toà án cấp phúc thẩm không áp dụng đối với bị cáo C.

[11] Biện pháp tư pháp:

1. Về số tiền gốc 550.000.000 đồng ngày 10/12/2021 và số tiền gốc 400.000.000 đồng ngày 11/01/2022 chị H trả cho bị cáo C; số tiền này được xác định là do bị cáo Nguyễn Thị C cho chị Ngô Thị H vay trong tổng số tiền gốc là **3.472.000.000 đồng**; chị Ngô Thị H đã trả tiền gốc cho bị cáo C là 1.278.000.000 đồng, chị Ngô Thị H còn nợ của bị cáo Nguyễn Thị C tiền gốc là 2.194.000.000 đồng, bị cáo thu lợi bất chính từ chị H số tiền 751.024.000 đồng; Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để truy thu số tiền gốc 1.278.000.000 đồng đối với bị cáo C và truy thu số tiền gốc 2.194.000.000 đồng đối với chị H sung ngân sách Nhà nước, đồng thời buộc bị cáo C có trách nhiệm trả cho chị H số tiền thu lợi bất chính là đúng quy định của pháp luật.

2. Tại phiên toà phúc thẩm, chị Ngô Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện không yêu cầu bị cáo C trả đủ số tiền thu lợi bất chính cho chị là 751.024.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên, chị H đề nghị buộc bị cáo C trả cho chị số tiền 700.000.000 đồng; xét thấy, sự tự nguyện của chị H không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[12] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận nội dung

kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị C, không chấp nhận nội dung kháng cáo xem xét số tiền gốc bị cáo C sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội; đây cũng là nhận định để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa.

[13] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo C được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang như sau:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị C.

3. Biện pháp tư pháp:

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả lại số tiền thu lợi bất chính 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) cho chị Ngô Thị H, địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền **1.278.000.000 đồng** (*Một tỷ, hai trăm bảy mươi tám triệu đồng*) bị cáo Nguyễn Thị C sử dụng vào thực hiện hành vi phạm tội đối với bị cáo Nguyễn Thị C.

3.3. Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền **179.010.000 đồng** (*Một trăm bảy mươi chín triệu, không trăm mười nghìn đồng*) tiền lãi trong hạn theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với bị cáo Nguyễn Thị C.

3.4. Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền **2.194.000.000 đồng** (*Hai tỷ, một trăm chín mươi tư triệu đồng*) số tiền bị cáo Nguyễn Thị C đã sử dụng vào

thực hiện hành vi phạm tội cho chị H vay nhưng chị H chưa trả cho bị cáo C đối với chị Ngô Thị H, địa chỉ: Tổ 1, thị trấn C, huyện X, tỉnh Hà Giang;

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, điều kiện thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện X;
- VKSND huyện X;
- UBND thị trấn C, huyện X;
- Công an huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA- TAND tỉnh;
- Tổ HCTP;
- Lưu: HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Loan